

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-KTM ngày /02/2026
của Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai thành phố Đà Nẵng)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

- Nước thải phát sinh của Dự án được xử lý sơ bộ sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Bắc Chu Lai để tiếp tục xử lý; không xả trực tiếp ra môi trường.

- Công ty đã ký Biên bản thỏa thuận ngày 09/9/2025 với Công ty TNHH MTV Phát triển hạ tầng khu công nghiệp Chu Lai để đầu nối hạ tầng kỹ thuật phục vụ Dự án; theo đó đầu nối nước thải của Dự án vào hố ga KT-2 của hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Bắc Chu Lai (thuộc tuyến đường số 2 Khu công nghiệp Bắc Chu Lai).

- Nước thải khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN đạt tiêu chuẩn tiếp nhận của Nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN Bắc Chu Lai và có bể chứa nước thải sự cố khi chất lượng nước thải không đạt tiêu chuẩn tiếp nhận. Bể chứa nước thải sự cố (kích thước 2m x 2m x 2m; kết cấu bê tông cốt thép, chống thấm hoàn toàn) để thu gom và lưu giữ tạm thời nước thải phát sinh trong trường hợp xảy ra sự cố, tránh rò rỉ ra môi trường trong thời gian chờ khắc phục và xử lý. Vị trí đầu nối có tọa độ (theo hệ tọa độ VN:2000, kinh tuyến trực 107°45', múi chiếu 3°): X(m) = 1708284, Y(m) = 593207 có lắp biển hiệu ghi tên để thuận tiện theo dõi và quan sát.

- Công ty thực hiện đo đặc chất lượng nước thải trước điểm đầu nối định kỳ 03 tháng/lần để đảm bảo tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải theo yêu cầu của Công ty TNHH MTV Phát triển hạ tầng khu công nghiệp Chu Lai.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom, đầu nối nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Bắc Chu Lai:

- Hệ thống thu gom và thoát nước thải được thiết kế tách biệt với hệ thống thu gom và thoát nước mưa.

- Nước thải sinh hoạt:

+ Nước thải từ nhà vệ sinh được thu gom, xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn cùng với nước thải từ các lavabo, nhà tắm được tách cặn sẽ tự chảy về hố kiểm tra trước khi vào hố ga KT-2 của hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Bắc Chu Lai tiếp tục xử lý.

+ Nước thải từ khu vực nhà ăn được thu gom, xử lý sơ bộ qua thiết bị tách dầu mỡ và tự chảy về hố kiểm tra trước khi vào hố ga KT-2 của hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Bắc Chu Lai tiếp tục xử lý.

- Nước thải công nghiệp phát sinh từ hoạt động vệ sinh nồi chưng cất tinh dầu được xử lý sơ bộ và tự chảy về hố ga KT2 của hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Bắc Chu Lai để tiếp tục xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

Dự án có các công trình, thiết bị xử lý sơ bộ nước thải trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Bắc Chu Lai gồm:

- Xây dựng 04 bể tự hoại 03 ngăn với tổng dung tích 56,4m³ (01 bể dung tích 7,8m³, 03 bể mỗi bể dung tích 16,2m³) để xử lý sơ bộ nước thải từ nhà vệ sinh.

- Bố trí 01 thiết bị tách dầu mỡ hợp khối (có thể tích 50 lít) để xử lý sơ bộ nước thải nhà ăn; phần dầu mỡ tách ra được Công ty thu gom, lưu giữ và chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

- Xây dựng 01 bể lắng kết hợp tách dầu (dung tích thiết kế 1,8 m³) để xử lý sơ bộ nước thải từ hoạt động vệ sinh nồi chưng cất tinh dầu; phần dầu tách ra được Công ty thu gom, lưu giữ và chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Khi xảy ra sự cố đối với nước thải, huy động khẩn cấp nhân lực, phương tiện và tiến hành khắc phục sự cố trong thời gian nhanh nhất, đồng thời báo cáo ngay cho Công ty TNHH MTV Phát triển hạ tầng KCN Chu Lai để được hỗ trợ khắc phục sự cố. Trường hợp sự cố kéo dài, giảm công suất sản xuất hoặc tạm dừng hoạt động sản xuất để hạn chế tối đa lượng nước thải phát sinh.

- Thường xuyên nạo vét, kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống thoát nước để tăng khả năng thoát nước; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ hút bùn cặn để đảm bảo hoạt động xử lý tránh gây tắc nghẽn.

- Chủ đầu tư cam kết chịu trách nhiệm chi trả toàn bộ tiền bồi thường thiệt hại về môi trường do sự cố liên quan đến nước thải của Dự án gây ra.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Công trình xử lý nước thải của Dự án không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý sơ bộ nước thải phát sinh từ hoạt động tại Dự án đảm bảo đáp ứng theo yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của Khu công nghiệp Bắc Chu Lai; thực hiện đúng các cam kết như đã nêu trong Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường; không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, thoát nước thải sau xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đấu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Bắc Chu Lai để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường. Kịp thời phối hợp với chính quyền địa phương, đơn vị quản lý hạ tầng khu công nghiệp Bắc Chu Lai và đơn vị khác liên quan (nếu có) để giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến hoạt động đấu nối nước thải của Dự án vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp, tránh các xung đột, khiếu kiện.

3.4. Cung cấp đầy đủ và trung thực dữ liệu, thông tin về hoạt động đấu nối nước thải khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu; không cản trở hoặc gây thiệt hại đến việc đấu nối nước thải hợp pháp của các tổ chức, cá nhân khác.

3.5. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai thành phố Đà Nẵng, Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Đà Nẵng, UBND xã Núi Thành, Công ty TNHH MTV Phát triển hạ tầng KCN Chu Lai và các cơ quan chức năng có liên quan. Báo cáo kịp thời về Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai thành phố Đà Nẵng, Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Đà Nẵng, UBND xã Núi Thành, Công ty TNHH MTV Phát triển hạ tầng KCN Chu Lai và các cơ quan có liên quan nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới số lượng, chất lượng nguồn nước và môi trường do nước thải của Dự án gây ra.

3.6. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Phụ lục 2
YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ KHÍ THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-KTM ngày /02/2026
của Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai thành phố Đà Nẵng)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

Dự án có 03 nguồn phát sinh bụi, khí thải, cụ thể:

- Nguồn số 01: Bụi phát sinh tại công đoạn nghiền phục vụ sản xuất.
- Nguồn số 02: Bụi phát sinh từ các máy tiện, máy chà nhám gia công sản xuất vòng tay.
- Nguồn số 03: Khí dư phát sinh tại dây chuyền chiết xuất tinh dầu bằng phương pháp chưng cất hơi nước.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01: Tương ứng với ống khói sau hệ thống xử lý bụi phát sinh tại công đoạn nghiền phục vụ sản xuất (nguồn số 01), X (m) = 593063; Y (m) = 1708257, độ cao xả thải so với mặt đất 8 m.
- Dòng khí thải số 02: Tương ứng với ống khói sau hệ thống xử lý Bụi phát sinh từ các máy tiện, máy chà nhám gia công sản xuất vòng tay (nguồn số 02), tọa độ vị trí xả khí thải: X (m) = 593084; Y (m) = 1708281, độ cao xả thải so với mặt đất 8 m.
- Dòng khí thải số 03: Tương ứng với ống khói thoát khí dư phát sinh tại dây chuyền chiết xuất tinh dầu bằng phương pháp chưng cất hơi nước (nguồn số 03), tọa độ vị trí xả khí thải: X (m) = 593103; Y (m) = 1708230, độ cao xả thải so với mặt đất 5 m.

(Theo hệ tọa độ kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiếu 3^0)

Vị trí xả khí thải nằm trong khuôn viên của Công ty TNHH Phú Luân Group tại Khu công nghiệp Bắc Chu Lai, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng.

2.2. Lưu lượng xả khí thải tối đa:

- Nguồn số 01: 10.000 m³/giờ.
- Nguồn số 02: 2.500 m³/giờ.
- Nguồn số 03: 1.500 m³/giờ

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả gián đoạn (xả theo chế độ hoạt động thiết bị sản xuất).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2024/BTNMT (cột C) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị tính	Quy chuẩn so sánh QCVN 19:2024/BTNMT (Cột C)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	Dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải định kỳ, tự động, liên tục (theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ)	
2	Bụi (PM)	mg/Nm ³	≤ 100		
3	Nhiệt độ	°C			
4	Áp suất	Pa			

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI QUẢN LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh khí thải để đưa về hệ thống xử lý khí thải:

- Nguồn số 1: Được thu gom đưa về Hệ thống xử lý bụi (công suất thiết kế 10.000 m³/giờ) để xử lý trước khi xả ra môi trường qua ống thải (Dòng khí thải số 01).

- Nguồn số 02: Được thu gom đưa về hệ thống xử lý bụi (công suất thiết kế 2.500 m³/giờ) để xử lý trước khi xả ra môi trường qua ống thải (Dòng khí thải số 02).

- Nguồn số 03: Được thu gom theo đường ống dẫn và phóng không ra môi trường (Dòng khí thải số 03).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

a) Công trình xử lý khí thải phát sinh tại công đoạn nghiền (Nguồn số 1)

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý khí thải: Bụi → 02 Cyclone → Quạt hút → Lọc bụi túi vải → Ống thoát khí (đường kính 0,5 m, chiều cao 8 m). Khí thải sau khi xử lý đạt QCVN 19:2024/BTNMT (Cột C) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp được xả ra môi trường không khí xung quanh Dự án.

Hệ thống lọc bụi túi vải (55 túi, kích thước túi vải dài 3m đường kính 0,15m).

Chu kỳ thay túi vải từ 12 tháng đến 24 tháng/lần.

- Công suất thiết kế: 10.000 m³/giờ.

- Chế độ vận hành: Đồng bộ với quá trình vận hành hệ thống nghiền.

- Hóa chất sử dụng: Không.

b) Công trình xử lý khí thải phát sinh từ các máy tiện, máy chà nhám gia công sản xuất vòng tay (Nguồn số 02)

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý khí thải: Bụi → Quạt hút → Lọc bụi túi vải → Ống thoát khí (đường kính 0,3 m, chiều cao 8 m). Khí thải sau khi xử lý đạt QCVN 19:2024/BTNMT (Cột C) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp được xả ra môi trường không khí xung quanh Dự án.

Hệ thống lọc bụi túi vải (10 túi, kích thước túi vải dài 3m đường kính 0,15m).

Chu kỳ thay túi vải từ 12 tháng đến 24 tháng/lần.

- Công suất thiết kế: 2.500 m³/giờ.

- Chế độ vận hành: Đồng bộ với quá trình vận hành máy tiện, máy chà nhám.

- Hóa chất sử dụng: Không.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với khí thải sau:

- Vận hành và bảo trì các máy móc, thiết bị hệ thống xử lý khí thải theo hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp; đúng công suất thiết kế, đúng quy trình kỹ thuật.

- Bố trí người có chuyên môn, có trách nhiệm quản lý, vận hành Hệ thống xử lý bụi, khí thải và thường xuyên thông báo tình trạng hoạt động của hệ thống.

- Khi có sự cố về hệ thống xử lý khí thải dẫn đến chất lượng khí thải không đảm bảo chất lượng xả thải, Nhà máy ngừng sản xuất để khắc phục trước khi cho hoạt động lại; kịp thời báo cáo cơ quan có chức năng liên quan theo đúng quy định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 06 tháng bắt đầu kể từ ngày 10/8/2026. Trường hợp phải thay đổi hoặc gia hạn thời gian vận hành thử nghiệm, chủ đầu tư phải có văn bản thông báo gửi cơ quan cấp Giấy phép môi trường nêu rõ lý do thay đổi, gia hạn và thời gian thay đổi, gia hạn.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý khí thải tại công đoạn nghiền của Dự án, công suất 10.000 m³/giờ.

- Hệ thống xử lý khí thải tại công đoạn nghiền của Dự án, công suất 2.500 m³/giờ.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại điểm (cửa) lấy mẫu khí thải trên thân các ống thoát khí tại Mục 2.1 của Phần A Phụ lục này. Yêu cầu đối với điểm (cửa) lấy mẫu khí thải và bố trí sàn thao tác lấy mẫu theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 và quy định hiện hành.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép: Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng khí thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.2.2 của Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 29/02/2025, việc quan trắc chất thải

do Chủ Dự án tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định hệ thống xử lý khí thải (03 mẫu khí thải đầu ra).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của Dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường, thực hiện đúng các cam kết đã nêu trong Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu theo quy định và ngừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị sử dụng để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý khí thải. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin quá trình vận hành hệ thống xử lý khí thải theo quy định.

3.3. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của Dự án cho Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai thành phố Đà Nẵng trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025.

3.5. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc chất thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải, gửi Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai thành phố Đà Nẵng trước thời điểm kết thúc vận hành thử nghiệm 20 ngày.

3.6. kê khai và nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải theo quy định.

3.7. Cung cấp đầy đủ và trung thực dữ liệu, thông tin về hoạt động xả khí thải ra môi trường khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.

3.8. Kiểm soát các nguồn khí thải khác để đảm bảo đáp ứng các quy định của pháp luật về an toàn và vệ sinh lao động trong suốt quá trình hoạt động của Dự án.

3.9. Thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn, phòng ngừa và khắc phục sự cố ô nhiễm môi trường không khí do hoạt động xả khí thải của Dự án gây ra theo quy định. Bồi thường thiệt hại cho các tổ chức, cá nhân bị thiệt hại do hành vi xả khí thải trái phép gây ra.

3.10. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai thành phố Đà Nẵng, Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Đà Nẵng, UBND xã Núi Thành, Công ty TNHH MTV Phát triển hạ tầng Khu công nghiệp Chu Lai và các cơ quan chức năng có liên quan. Báo cáo kịp thời về Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai thành phố Đà Nẵng, Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Đà Nẵng, UBND xã Núi Thành, Công ty TNHH MTV Phát triển hạ tầng Khu công nghiệp Chu Lai và các cơ quan có liên quan nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới số lượng, chất lượng môi trường do việc xả khí thải gây ra.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN,
ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-KTM ngày /02/2026
của Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai thành phố Đà Nẵng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Từ hoạt động của máy móc thiết bị tại khu vực sản xuất chuyên sản xuất tinh dầu bằng phương pháp chiết xuất siêu tới hạn CO₂;
- Nguồn số 02: Từ hoạt động của máy móc thiết bị tại khu vực khu vực nghiền nguyên liệu sản xuất.

2. Giá trị giới hạn

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1 Tiếng ồn:

TT	Khoảng thời gian và mức ồn tối đa cho phép (dBA)			Tần suất quan trắc định kỳ	Khu vực bị ảnh hưởng
	Ngày (06h00 đến trước 18h00)	Tối (18h00 đến trước 22h00)	Đêm (22h00 đến trước 06h00)		
1	70	65	60	-	Khu vực E

2.2. Độ rung:

TT	Khoảng thời gian và mức rung tối đa cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Khu vực bị ảnh hưởng
	Ngày (06h00 đến trước 22h00)	Đêm (22h00 đến trước 06h00)		
1	75	70	-	Khu vực E

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

1.1. Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng máy móc, bôi trơn dầu mỡ để hạn chế tiếng ồn; bố trí thời gian vận hành máy móc trong các phân xưởng hợp lý, tránh tập trung quá nhiều máy móc phát sinh tiếng ồn lớn trong cùng một phân xưởng.

1.2. Thiết kế xây dựng làm đế, móng đặt máy vững chắc, lắp các đệm chống ồn, rung.

1.3. Trang bị dụng cụ chống ồn cho công nhân làm việc tại các khu vực có tiếng ồn lớn.

1.4. Trồng cây xanh xung quanh khuôn viên nhà máy để hạn chế sự lan truyền tiếng ồn ra môi trường xung quanh. Tổng diện tích cây xanh, thảm cỏ là

3.249m² chiếm 27,41% tổng diện tích của Dự án. Dải cây xanh cách ly được bố trí xung quanh ranh giới khu đất Dự án với chiều rộng dải cây xanh từ 5 – 10 m.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

2.3. Nâng cấp, thay thế các máy móc, thiết bị (khi xuống cấp) có phát sinh tiếng ồn, độ rung lớn bằng các máy móc, thiết bị hiện đại để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đến môi trường xung quanh, đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật môi trường quy định.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-KTM ngày /02/2026
của Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai thành phố Đà Nẵng)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử	16 01 13	10
2	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải	17 02 03	50
	Tổng		60

1.2. Khối lượng, chủng loại chất công nghiệp phải kiểm soát

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bao bì nhựa cứng thải	18 01 03	40
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	30
3	Hộp mực in thải	08 02 04	10
	Tổng		80

Ghi chú: Chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh tại Dự án được Chủ dự án xem là chất thải nguy hại và quản lý theo quy định về chất thải nguy hại.

1.3. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/tháng)
1	Bao bì, giấy carton, chai lọ đóng gói thành phẩm hư hỏng	0,52
2	Bả trầm, bụi trầm thu hồi	15
	Tổng	15,52

1.4. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên trong nhà máy: giấy vụn, bao bì nilon, chai lọ bằng nhựa, thủy tinh, thực phẩm thừa,... Khối lượng phát sinh khoảng 30 kg/ngày tương đương khoảng 9,9 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Kho lưu giữ: 01 kho.

- Diện tích kho: 12 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Kho kín, có biển cảnh báo, có mái che, tường bao bằng gạch, nền lát xi măng, có rãnh thu nước thải xung quanh và gờ chống tràn, có tên, mã chất thải nguy hại và biển cảnh báo trên các thùng chứa.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Chất thải rắn phát sinh trong quá trình sản xuất như bã trầm, bột trầm thu hồi từ các xyclon lọc bụi, gỗ trầm vụn trong quá trình gia công sản xuất vòng tay được thu gom làm nguyên liệu đầu vào sản xuất nhang trầm.

- Đối với chất thải rắn công nghiệp không thể tái chế như bao bì, chai lọ bị lỗi trong quá trình đóng gói được thu gom, xử lý cùng chất thải rắn sinh hoạt.

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Trang bị các thùng rác dung tích 30 lít bố trí tại khu vực nhà xưởng, văn phòng và các thùng rác dung tích 120 lít có nắp đậy trên tuyến đường giao thông nội bộ.

- Toàn bộ CTR sinh hoạt được lưu chứa vào các thùng rác có nắp đậy bố trí dọc trục đường nội bộ sau đó hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển toàn bộ CTR thông thường của nhà máy để xử lý theo quy định

2.3. Yêu cầu chung đối với các hệ thống, công trình lưu giữ CTNH, chất thải rắn sinh hoạt

- Các hệ thống, công trình lưu giữ CTNH, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn công nghiệp phải được kiểm soát, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT.

- Bố trí thiết bị, phương tiện để phân loại tại nguồn, thu gom chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với khối lượng, loại chất thải phát sinh theo quy định của pháp luật.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Xây dựng và thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-KTM ngày /02/2026
của Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai thành phố Đà Nẵng)*

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Yêu cầu về biện pháp giảm thiểu đối với ảnh hưởng của nước mưa

- Hệ thống thu gom và thoát nước mưa được thiết kế tách biệt với hệ thống thu gom và thoát nước thải. Toàn bộ nước mưa từ mái nhà xưởng và nước mưa chảy tràn bề mặt được thu gom, đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa chung của Khu công nghiệp Bắc Chu Lai tại 02 vị trí đầu nối bằng phương thức tự chảy, có tọa độ như sau (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi giờ 3^0):

+ Vị trí đầu nối 01: X(m) = 1708325; Y(m) = 593163

+ Vị trí đầu nối 02: X(m) = 1708284; Y(m) = 593208.

- Ngoài ra, để giảm thiểu tác động phát sinh do nước mưa chảy tràn, Công ty áp dụng các biện pháp sau:

+ Bố trí công nhân quét dọn, vệ sinh tại khu vực cổng, đường nội bộ, sân bãi trong Nhà máy để hạn chế chất thải bị cuốn trôi theo nước mưa chảy tràn.

+ Định kỳ kiểm tra, nạo vét bùn đất trong các hố ga, nhất là sau các đợt mưa lớn, kéo dài để đảm bảo thoát nước tốt.

2. Một số yêu cầu khác:

2.1. Tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật được quy định tại Luật Đất đai, Luật Đầu tư, Luật Xây dựng, Luật PCCC và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành có liên quan, đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động Dự án.

2.2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện giám sát, quản lý chặt chẽ, đảm bảo toàn bộ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động của Dự án đều được phân loại, thu gom, xử lý, đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, các văn bản pháp luật có liên quan và các quy định trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

2.3. Xây dựng, đầu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, nước thải đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước mưa, điều kiện đầu nối nước thải và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án.

2.4. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất, sản xuất sạch hơn. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp

dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

2.5. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy và quản lý hoá chất. Thực hiện kế hoạch, phương án phòng chống, ứng phó sự cố hoá chất và sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2.6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

2.7. Thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

2.8. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

2.9. Chủ dự án hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, hợp lệ của các số liệu, văn bản, tài liệu trong Hồ sơ báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của Dự án.

2.10. Chủ đầu tư chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình hoạt động nếu phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường. Thực hiện khắc phục ngay và bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật./.